

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hội.

2. Bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Nga, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị V, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản X, xã L, tỉnh Sơn La (trước đây là bản Xa Lú, xã C, thị xã M, tỉnh Sơn La); Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Thào A L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản X, xã L, tỉnh Sơn La (trước đây là bản Xa Lú, xã C, thị xã M, tỉnh Sơn La); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại bản tự khai, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Giàng Thị V trình bày như sau:

Chị Giàng Thị V và anh Thào A L kết hôn với nhau vào ngày 03/9/2020, khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Sau ngày kết hôn vợ chồng chị V chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và

quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, anh Thào A L nghiện ma túy nên có tài sản gì của gia đình cũng mang đi bán hết, vợ chồng chị V đã sống ly thân mỗi người ở một nơi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Thào A L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Thào Thị L1, sinh ngày 04/9/2015 và cháu Thào Thị C, sinh ngày 05/3/2017. Trường hợp ly hôn chị V xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Thào A L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về vay nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Giàng Thị V đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí.

** Theo lời khai tại biên bản lấy lời khai và phiên họp hòa giải, bị đơn anh Thào A L trình bày như sau:*

Anh Thào A L và chị Giàng Thị V kết hôn với nhau vào ngày 03/9/2020, khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Sau ngày kết hôn vợ chồng anh L ra ở riêng tại bản X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, anh L thỉnh thoảng đi chơi với bạn bè thì có sử dụng ma túy, sau đó không hiểu lý do gì chị V tự ý bỏ về sinh sống ở bên nhà ngoại từ ngày 12/4/2025, vợ chồng anh L sống ly thân từ đó. Nay chị V có đơn ly hôn, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên anh L không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh L có ý kiến nếu chị V muốn nuôi 02 con chung anh L cũng nhất trí, anh L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về vay nợ chung: Không có.

Anh Thào A L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

** Theo Biên bản ghi ý kiến ngày 13/6/2025 đối với cháu Thào Thị L1, sinh ngày: 04/9/2015 như sau:* Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu Thào Thị L1 xin được ở với mẹ là Giàng Thị V để tiện cho việc học hành và sinh hoạt của cháu.

** Theo Biên bản ghi ý kiến ngày 13/6/2025 đối với cháu Thào Thị C, sinh ngày 05/3/2017 như sau:* Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu Thào Thị C xin được ở với mẹ là Giàng Thị V để tiện cho việc học hành và sinh hoạt của cháu.

** Theo Biên bản xác minh với chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 như sau:* Chị Giàng Thị V và anh Thào A L kết hôn với nhau năm 2020, khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn thì chị V và anh L ra ở riêng tại bản X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, anh L chơi bời không quan tâm đến vợ con, hơn nữa anh L có biểu hiện sử dụng ma túy. Mâu thuẫn nên chị V bỏ về bên đăng ngoại (bố mẹ chị V) sinh sống từ tháng 4/2025. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau. Về quan hệ hôn nhân đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị V và anh L có 02 con chung là cháu Thào Thị L1, sinh ngày 04/9/2015 và cháu Thào Thị C, sinh ngày 05/3/2017. Từ khi sống ly thân thì hai cháu ở với chị V, anh L ở một mình không chịu khó làm nương rẫy. Chị V có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Sơn La phát biểu ý kiến như sau:*

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về việc giải quyết vụ án:* Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giàng Thị V được ly hôn với anh Thào A L.

- Về con chung: Giao các con chung gồm cháu Thào Thị L1, sinh ngày 04/9/2015 và cháu Thào Thị C, sinh ngày 05/3/2017 cho chị Giàng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn

Anh Thào A L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do chị Giàng Thị V chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Giàng Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Thào A L cư trú tại bản X, xã L, tỉnh Sơn La (trước đây là bản Xa Lú, xã C, thị xã M, tỉnh Sơn La). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Thào A L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thào A L.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thào Thị V1 và anh Thào A L kết hôn với nhau vào ngày 03/9/2020. Khi kết hôn chị V1 và anh L đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Sơn La). Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị V1 và anh L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau ngày kết hôn chị V1 và anh L ra ở riêng, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp, anh L sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2025, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau nữa. Chị V1 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L, anh L không nhất trí ly hôn.

Theo lời khai của các đương sự và kết quả xác minh với chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị V1 và anh L đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài từ năm 2022, không thể khắc phục nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2025 đến nay, tình cảm vợ chồng của chị V1 với anh L đã không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị V1 là có căn cứ, cần xử cho chị V1 được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung:

Chị Giàng Thị V và anh Thào A L có 02 con chung là cháu Thào Thị L1, sinh ngày 04/9/2015 và cháu Thào Thị C, sinh ngày 05/3/2017. Trường hợp ly hôn chị V xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; anh Thào A L nhất trí với ý kiến của chị Giàng Thị V về việc để chị V nuôi 02 con chung.

Xét thấy, chị Giàng Thị V và anh Thào A L đều đồng nhất ý kiến giao cả hai con chung cho chị V nuôi dưỡng; Sau khi sống ly thân cả hai con chung đều ở với chị V, do chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị V. Vì vậy, căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao các con chung cho chị Giàng Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Thào A L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do chị Giàng Thị V chưa có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Giàng Thị V và anh Thào A L đều khai không có tài sản chung, vay nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí:

Trong vụ án ly hôn nên nguyên đơn chị Giàng Thị V phải chịu án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị Giàng Thị V là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa có yêu cầu xin miễn án phí nên cần miễn án phí sơ thẩm cho chị Giàng Thị V theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho chị Giàng Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giàng Thị V được ly hôn với anh Thảo A L.

2. Về con chung:

Giao các con chung gồm cháu Thảo Thị L1, sinh ngày 04/9/2015 và cháu Thảo Thị C, sinh ngày 05/3/2017 cho chị Giàng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn

Anh Thảo A L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do chị Giàng Thị V chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị V.

Trả lại cho chị Giàng Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002949 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Sơn La).

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn (có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 6 – Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 6 – Sơn La;
- UBND xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Thu Trang